

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày 20/01/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Sanh

- Ông Huỳnh Thanh Trà

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn U và bà Nguyễn Thị Ngân H. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 39, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L. Vắng mặt

Địa chỉ: đường Tr, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T. Vắng mặt

Địa chỉ: đường Tr, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn nội dung vụ án như sau:

Vào ngày 25/01/2017 ông Đặng Văn U và bà Nguyễn Thị Ngân H có cho bà Nguyễn Thị Hồng L vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay, bà L có viết giấy mượn tiền. Nội dung giấy mượn tiền không thể hiện ngày trả, chỉ cam kết trả lại số tiền trên khi ông U bà H thông báo trước một tháng. Tuy nhiên, ông U bà H đã nhiều lần yêu cầu bà L trả lại số tiền trên nhưng bà L vẫn không trả. Nay, ông U bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L trả lại cho ông bà số tiền đã mượn là 50.000.000 đồng. Ông U, bà H không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do. Ngày 19/01/2021, ông Nguyễn Văn T gửi văn bản trình bày không biết về khoản nợ giữa bà L và ông U bà H. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bà L và ông T, xác định được ông bà có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại đường Tr, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông T vẫn cư trú tại địa chỉ trên, bà L đã đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà L bằng thủ tục niêm yết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ông Đặng Văn U và bà Nguyễn Thị Ngân H đã cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền ngày 25/01/2017 do bà Nguyễn Thị Hồng L viết. Theo nội dung giấy mượn tiền thể hiện, ngày 25/01/2017 bà L có vay của ông U bà H số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, thời hạn trả là một tháng sau khi ông U bà H yêu cầu. Như vậy, trình bày của ông U và bà H về việc bà L vay số tiền 50.000.000 đồng là có cơ sở. Đây là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng này thỏa mãn

các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng: Kể từ thời điểm mượn tiền, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bà L vẫn không trả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bà L các văn bản tố tụng nhưng bà L vẫn không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hòa giải tại Tòa án. HĐXX nhận định bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với ông U bà H theo quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần được chấp nhận.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, ông U bà H cho rằng bà L mượn số tiền trên giao cho ông T kinh doanh cửa nhôm kính. Tuy nhiên, ông T trình bày không biết về khoản vay trên của bà L và nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh mục đích mượn tiền của bị đơn. Do đó, không có căn cứ yêu cầu nghĩa vụ trả tiền từ phía ông T.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) bị đơn phải chịu. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn U và bà Nguyễn Thị Ngân H đối với bà Nguyễn Thị Hồng L.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng L phải trả cho ông Đặng Văn U và bà Nguyễn Thị Ngân H số tiền 50.000.000 đồng. (Năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu. Hoàn trả cho ông Đặng Văn U và bà Nguyễn Thị Ngân H số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 9257 ngày 03/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Thủy